

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 12-12-2023

V/v tranh chấp: "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Thẩm phán:

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2023/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp "Ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 83/2023/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 863/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị L, sinh năm 1978 (có mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- **Người kháng cáo:** Nguyên đơn chị Phạm Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

* Nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

Chị và anh P đăng ký kết hôn vào năm 2003, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C (nay là thị xã C), tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 07, quyển số 01 ngày 01/01/2003. Quá trình vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn ngày

càng gay gắt, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong gia đình. Chị L nhận thấy cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án xử cho ly hôn anh Nguyễn Văn P.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung gồm cháu Nguyễn Đình K, sinh ngày 01/4/2003 và cháu Nguyễn Tấn P1, sinh ngày 08/3/2009. Do cháu K đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với cháu Tấn P1 sau khi ly hôn chị yêu cầu giao cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn P vắng mặt không lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.*

** Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Nguyên đơn chị Phạm Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét cho chị ly hôn với anh P, tại phiên tòa chị không cung cấp tài liệu chứng cứ gì khác, chị cũng không thỏa thuận được với anh P để giải quyết hôn nhân.

Bị đơn anh Nguyễn Văn P trình bày tại phiên tòa do điều kiện công việc tại Trại giam P2 - Bộ Công an nên đôi lúc anh chưa chăm sóc, phụ giúp vợ trong gia đình, nuôi dạy con, trong thời gian xảy ra dịch bệnh anh không về với gia đình được do cơ quan phải cấm trại nên phát sinh mâu thuẫn với vợ. Tuy nhiên, anh vẫn còn thương yêu vợ con, muốn hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình, chăm sóc nuôi dạy con nên anh không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị L, anh yêu cầu Tòa án cho anh cơ hội về thời gian để anh cùng với chị L hàn gắn lại hạnh phúc gia đình, nếu hàn gắn không được anh sẽ ly hôn.

* Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 83/2023/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 56 và Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L về việc xin ly hôn anh Nguyễn Văn P.

Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị L về việc xin ly hôn anh Nguyễn Văn P nên các vấn đề về con chung, tài sản chung, nợ chung, Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 06/9/2023, nguyên đơn chị Phạm Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị, cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn P và giao con chung Nguyễn Tấn P1, sinh ngày 08/3/2009 cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh P chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong đời sống vợ chồng, chưa đến mức trầm trọng khiến đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài; anh P vẫn còn thương yêu vợ con và có ý muốn hàn gắn tình cảm với chị L. Do đó, để tạo điều kiện hàn gắn đoàn tụ giữa chị L và anh P, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Chị Phạm Thị L nộp đơn kháng cáo và thực hiện thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Anh Nguyễn Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do, cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh P.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Phạm Thị L, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn P tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C (nay là thị xã C), tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 07, quyển số 01 ngày 01/01/2003 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

[2.2] Theo lời trình bày của chị L, sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian; đến năm 2022, anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh P thường xuyên chửi mắng, có

hành vi đe dọa, kiểm soát chị khiến chị bất an về mặt tinh thần, ngoài ra anh P còn có hành vi bạo lực đối với chị.

Anh P thừa nhận giữa anh chị có một số mâu thuẫn trong quá trình sống chung nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ; thời điểm dịch bệnh Covid-19 bùng phát, do điều kiện công việc tại Trại giam P2 – Bộ Công an, cơ quan cấm trại nên đôi lúc anh chưa chăm sóc, phụ giúp vợ trong gia đình, nuôi dạy con. Anh vẫn còn thương yêu vợ con, muốn hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình, chăm sóc nuôi dạy con nên anh yêu cầu Tòa án cho anh cơ hội về thời gian để anh cùng với chị L hàn gắn lại hạnh phúc gia đình, nếu hàn gắn không được anh sẽ đồng ý ly hôn với chị L.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh P chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong đời sống chung vợ chồng, chưa đến mức trầm trọng khiến đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; chị L cho rằng anh P có hành vi bạo lực đối với chị, kiểm soát đe dọa khiến chị bất an về mặt tinh thần nhưng lại không có chứng cứ chứng minh; anh P lại có mong muốn được hàn gắn tình cảm với chị L, nếu hàn gắn không thành anh sẽ đồng ý ly hôn với chị L. Do đó, để tạo điều kiện cho hai bên tháo gỡ mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng, đồng thời đảm bảo gia đình hoàn chỉnh cho các con của anh P và chị L, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung là có căn cứ.

Chị L kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới làm thay đổi bản chất vụ án, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của chị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là có căn cứ, phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của chị L không được chấp nhận nên chị L phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Phạm Thị L.

- Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 83/2023/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào các điều 28, 35, 37, 39, 147 và Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 56 và Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a

khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L về việc xin ly hôn anh Nguyễn Văn P.

Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị L đối với anh Nguyễn Văn P nên các vấn đề về con chung, tài sản chung, nợ chung, Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí:

Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0018567 ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang; xem như đã thực hiện xong.

Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0018670 ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang; xem như đã thực hiện xong.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã C;
- CCTHADS thị xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong